

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC ỨNG DỤNG

Tên bài	STT	Nội dung câu và đáp án
Bài số 1: công dụng của tâm lí		Mức độ 1: trung bình (câu vừa sức + dễ)
	1	Câu 1: Trong các hiện tượng dưới đây, hiện tượng nào là tâm lí? a. Thần kinh căng thẳng như dây đàn sắp đứt. b. Tim đập như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. c. Ăn, ngủ đều kém. d. Bồn chồn như có hẹn với ai.
	2	Câu 2: Tâm lí người là: a. Do một lực lượng siêu nhiên nào đó sinh ra. b. Do não sản sinh ra, tương tự như gan tiết ra mật. c. Sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người, thông qua lăng kính chủ quan. d. Cả a, b, c.
	3	Câu 3: Hiện tượng nào dưới đây cho thấy tâm lí tác động đến sinh lý? a. Lo lắng đến mất ngủ b. Mệt mỏi không minh mẫn c. Mất kém tri giác kém d. Ăn uống đầy đủ giúp cơ thể khỏe mạnh
	4	Câu 4: Hiện tượng nào dưới đây cho thấy sinh lý có ảnh hưởng rõ rệt đến tâm lí ? a. Tuyến nội tiết làm thay đổi tâm trạng b. Lạnh làm run người c. Buồn rầu làm ngưng trệ tiêu hóa d. Thẹn làm đỏ mặt
	5	Câu 5: Tâm lí người có nguồn gốc từ: a. Não người b. Hoạt động của cá nhân c. Thế giới khách quan d. Giao tiếp của cá nhân
	6	Câu 6: Những đứa trẻ do động vật nuôi từ nhỏ không có được tâm lí người vì a. Các mối quan hệ xã hội quy định bản chất tâm lí người b. Môi trường sống quy định bản chất tâm lí người c. Các dạng hoạt động và giao tiếp quy định trực tiếp sự hình thành tâm lí người d. Cả a, b, c
	7	Câu 7: Nhân tố tâm lí giữ vai trò cơ bản, có tính quy định trong hoạt động của con người, bởi vì:

	<p>a. Tâm lí có chức năng định hướng cho hoạt động con người</p> <p>b. Tâm lí điều khiển, kiểm tra và điều chỉnh hoạt động của con người</p> <p>c. Tâm lí là động lực thúc đẩy con người hoạt động</p> <p>d. Cả a, b, c</p>
8	<p>Câu 8: Đâu không phải là chức năng của các hiện tượng tâm lí người?</p> <p>a. Định hướng hoạt động c. Điều khiển hoạt động</p> <p>b. Điều chỉnh hoạt động d. Dự đoán hoạt động</p>
9	<p>Câu 9: “Tâm lý là động lực thúc, lôi cuốn con người hoạt động, khắc phục mọi khó khăn vươn tới mục đích đề ra”. Chức năng nào của tâm lí đã được đề cập trong nhận định sau:</p> <p>a. Động lực</p> <p>b. Điều khiển</p> <p>c. Điều chỉnh</p> <p>d. Định hướng</p>
10	<p>Câu 10: Phản ánh tâm lí người là một loại phản ánh đặc biệt vì:</p> <p>a. Hình ảnh tâm lí là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người</p> <p>a. Hình ảnh tâm lí là bản sao chép về thế giới khách quan</p> <p>b. Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động, sáng tạo</p> <p>c. Hình ảnh tâm lí là dấu vết của thế giới khách quan</p>
11	<p>Câu 11: Hiện tượng nào dưới đây là trạng thái tâm lí?</p> <p>a. Lành lạnh</p> <p>b. Căng thẳng</p> <p>c. Nhạy cảm</p> <p>d. Yêu đời</p>
12	<p>Câu 12: Trong các tình huống dưới đây, đâu là quá trình tâm lí?</p> <p>a. Minh thoáng thấy một vật gì đó đỏ đỏ lướt qua</p> <p>b. Cô ta do dự trước quyết định học thêm Pháp văn hay không?</p> <p>c. Chị ấy luôn thích thú học môn thể dục thẩm mỹ</p> <p>d. Tôi chăm chú nghe giảng bài</p>
13	<p>Câu 13: Những hiện tượng dưới đây, hiện tượng nào là thuộc tính tâm lí?</p> <p>a. Nghe và nghĩ về những điều thầy giảng</p> <p>b. Chăm chú ghi chép bài</p> <p>c. Trung thực, không quay cóp khi làm bài thi</p> <p>d. Giải bài tập</p>
14	<p>Câu 14: Hiện tượng nào dưới đây là ý thức:</p>

		<p>a. Trên lớp, một học sinh làm tính nhân một cách nhanh chóng và chính xác mà không hề nhớ tới các qui tắc của phép nhân</p> <p>b. Một học sinh quyết định thi vào trường Sư phạm và giải thích rằng vì em đó rất yêu trẻ</p> <p>c. Một đứa trẻ khỏe mạnh thì ngay sau khi sinh đã nắm chặt ngón tay của người lớn hoặc cái bút chì nếu những vật đó chạm vào lòng bàn tay nó</p> <p>d. Hôm nay, khi uống rượu say Minh đã nói ra nhiều điều tâm sự mà trước đây chính Minh còn rất mơ hồ</p>
15	Câu 15. Khi đi du lịch, dù đến cùng một địa điểm nhưng mỗi lần đến lại mang một cảm xúc điều này chứng tỏ:	<p>a. Tâm lý người mang tính tích cực</p> <p>b. Tâm lý người mang tính tiêu cực</p> <p>c. Tâm lý người mang bản chất xã hội - văn hóa</p> <p>d. Tâm lý người mang tính chủ thể</p>
16	Câu 16. Các quá trình tâm lí là những hiện tượng tâm lí có đặc điểm nào trong các mô tả dưới đây:	<p>a. Thời gian tương đối ngắn, có mở đầu, diễn biến, kết thúc tương đối rõ ràng</p> <p>b. Thời gian tương đối ngắn, không mở đầu, diễn biến, kết thúc không rõ ràng</p> <p>c. Thời gian tương đối ngắn, không mở đầu, diễn biến, kết thúc tương đối rõ ràng</p> <p>d. Thời gian tương đối ngắn, có mở đầu, diễn biến, kết thúc không rõ ràng</p>
17	Câu 17. Thuộc tính tâm lí mang những đặc điểm nào dưới đây?	<p>a. Không thay đổi</p> <p>b. Tương đối ổn định, bền vững</p> <p>c. Thay đổi theo thời gian</p> <p>d. Đặc trưng cho mỗi cá thể và có tính độc đáo</p>
18	Câu 18. Hiện tượng nào dưới đây là quá trình tâm lí?	<p>a. Giải bài tập</p> <p>b. Chăm chú ghi chép bài</p> <p>c. Hồi hộp khi đi thi</p> <p>d. Trung thực, không quay cóp khi làm bài thi</p>
19	Câu 20. Hiện tượng nào dưới đây là trạng thái tâm lí?	<p>a. Chăm chú nghe giảng bài</p> <p>b. Tập thể dục buổi sáng</p>


		<p>c. Mình thoáng thấy một vật gì đó đỏ lướt qua</p> <p>d. Chị ấy luôn thích thú học môn thể dục thẩm mỹ</p>
Bài số 2: Cảm giác-tri giác	20	<p>Câu 1 : Đặc điểm thể hiện sự khác biệt căn bản của tri giác so với cảm giác là:</p> <p>a. Phản ánh từng thuộc tính bên ngoài của sự vật, hiện tượng</p> <p>b. Phản ánh trọn vẹn các thuộc tính bề ngoài</p> <p>c. Sự phản ánh khi sự vật hiện tượng tác động trực tiếp vào giác quan</p> <p>d. Sự phản ánh của chủ thể đối với thế giới bên ngoài</p>
	21	<p>Câu 2: “Hình ảnh trực quan mà tri giác đem lại bao giờ cũng thuộc về một sự vật hiện tượng nhất định nào đó của thế giới bên ngoài” là biểu hiện của quy luật tri giác nào?</p> <p>a. Tính đối tượng</p> <p>b. Tính lựa chọn</p> <p>c. Tính ý nghĩa</p> <p>d. Tính ổn định</p>
	22	<p>Câu 3: Phản ánh một vài đối tượng nào đó trong vô số những sự vật, hiện tượng xung quanh là biểu hiện của quy luật tri giác nào?</p> <p>a. Tính lựa chọn</p> <p>b. Tính ý nghĩa</p> <p>c. Tính ổn định</p> <p>d. Tổng giác</p>
	23	<p>Câu 4: Khả năng phản ánh sự vật một cách không đổi khi điều kiện tri giác bị thay đổi là biểu hiện của quy luật tri giác nào?</p> <p>a. Tính ý nghĩa</p> <p>b. Tính ổn định</p> <p>c. Tổng giác</p> <p>d. Ảo ảnh tri giác</p>
	24	<p>Câu 5: Sự phản ánh sai lệch các sự vật, hiện tượng một cách khách quan của con người là biểu hiện của quy luật tri giác nào?</p> <p>a. Tính đối tượng</p> <p>b. Tính lựa chọn</p> <p>c. Tổng giác</p> <p>d. Ảo ảnh tri giác</p>
	25	<p>Câu 6: Tri giác chịu ảnh hưởng nội dung của đời sống tâm lý con người, vào đặc điểm nhân cách của họ là biểu hiện của quy luật tri giác nào?</p> <p>a. Tính ý nghĩa</p> <p>b. Tính ổn định</p>



		<p>c. Tổng giác</p> <p>d. Ảo giác</p>
26		<p>Câu 7: Đôi khi người lái ô tô thấy vật đang tiến nhanh về phía mình tựa như phình to ra, nhưng họ hiểu đó chỉ là hiện tượng ảo ảnh tri giác. Đó là biểu hiện của quy luật tri giác nào đây:</p> <p>a. Tính lựa chọn của tri giác</p> <p>b. Tính ổn định của tri giác</p> <p>c. Tính đối tượng của tri giác</p> <p>d. Tính ý nghĩa của tri giác</p>
27		<p>Câu 8: Sau khi tiếp nhận kích thích, cơ quan thị giác đưa thông tin lên não bộ dưới dạng xung thần kinh nào sau đây?</p> <p>a. Sóng âm thanh</p> <p>b. Sóng ánh sáng</p> <p>c. Phản ứng hóa học</p> <p>d. Áp lực, nhiệt độ</p>
28		<p>Câu 9: Loại cảm giác nào thuộc nhóm cảm giác bên ngoài?</p> <p>a. Cảm giác vận động</p> <p>b. Cảm giác nén</p> <p>c. Cảm giác sờ mó</p> <p>d. Cảm giác rung</p>
29		<p>Câu 10: Hình ảnh trực quan mà tri giác đem lại bao giờ cũng thuộc về một sự vật, hiện tượng nhất định của hiện thực khách quan và qui định tính chân thực của phản ánh trong tri giác là đặc điểm qui luật tri giác nào?</p> <p>a. Tính ý nghĩa</p> <p>b. Tính đối tượng</p> <p>c. Tính lựa chọn</p> <p>d. Ảo ảnh tri giác</p>
30		<p>Câu 11: Ngưỡng cảm giác sai biệt được hiểu là</p> <p>a. Cường độ kích thích tối thiểu gây ra được cảm giác</p> <p>b. Cường độ kích thích tối đa gây ra được cảm giác</p> <p>c. Mức độ chênh lệch tối thiểu về cường độ kích thích để phân biệt được chúng</p> <p>d. Mức độ chênh lệch tối đa về cường độ kích thích để phân biệt được chúng</p>
31		<p>Câu 12: Khi ta đi từ chỗ sáng (cường độ kích thích mạnh) vào chỗ tối (cường độ kích thích yếu) lúc đầu ta chưa nhìn thấy rõ, sau vài giây (độ nhạy cảm thị giác tăng lên) mới nhìn thấy rõ hơn. Hiện tượng này là do độ nhạy cảm của cảm giác nhìn:</p>

		<p>a. Tăng độ nhạy cảm của cảm giác nhìn</p> <p>b. Giảm độ nhạy cảm của cảm giác nhìn</p> <p>c. Không thay đổi</p> <p>d. Tất cả đáp án trên</p>
32	<p>Câu 13: Hãy giải thích việc giáo viên dùng bút đỏ để chấm bài là ứng dụng qui luật nào của tri giác</p> <p>a. Quy luật tính lựa chọn</p> <p>b. Quy luật ảo ảnh tri giác</p> <p>c. Qui luật tính ý nghĩa</p> <p>d. Quy luật tính tổng giác</p>	
33	<p>Câu 14: Ăn mãi một món dù ngon đến đâu cũng thấy bình thường. Đó là do quy luật nào của cảm giác quy định?</p> <p>a. Thích ứng</p> <p>b. Thích nghi</p> <p>c. Tác động qua lại</p> <p>d. Ngưỡng cảm giác</p>	
34	<p>Câu 15: Hãy tìm màu phản tương phản nhất khi viết chữ, viết số trên bảng màu xanh, màu đen:</p> <p>a. Phấn ghi</p> <p>b. Phấn trắng</p> <p>c. Phấn đỏ</p> <p>d. Phấn tím</p>	
35	<p>Câu 16: Trong giai đoạn nhận thức cảm tính, các quá trình tâm lí phản ánh sự vật và hiện tượng ở mức độ như thế nào?</p> <p>a. Mỗi liên hệ có tính bản chất</p> <p>b. Mỗi liên hệ có tính quy luật</p> <p>c. Thuộc tính bên trong, khái quát</p> <p>d. Thuộc tính bề ngoài, cụ thể</p>	
36	<p>Câu 17: Tri giác là quá trình tâm lí phản ánh những thuộc tính như thế nào của sự vật và hiện tượng?</p> <p>a. Mỗi liên hệ mang tính bản chất</p> <p>b. Mỗi quan hệ mang tính quy luật</p> <p>c. Từng thuộc tính riêng lẻ bề ngoài</p> <p>d. Trọn vẹn các thuộc tính bề ngoài</p>	
37	<p>Câu 18: “ Quá trình nhận thức phản ánh một cách riêng lẻ từng thuộc tính của sự vật và hiện tượng chứ không phản ánh được trọn vẹn các thuộc tính</p>	

	<p><i>của sự vật, hiện tượng</i>”. Phát biểu trên đề cập đến hiện tượng tâm lí nào dưới đây?</p> <p>a. Tư duy</p> <p>b. Tưởng tượng</p> <p>c. Tri giác</p> <p>d. Cảm giác</p>
38	<p>Câu 19: “<i>Hình ảnh trực quan mà tri giác đem lại bao giờ cũng thuộc về một sự vật hiện tượng nhất định nào đó của thế giới bên ngoài</i>”. Phát biểu trên là biểu hiện quy luật nào trong tri giác?</p> <p>a. Tính đối tượng</p> <p>b. Tính lựa chọn</p> <p>c. Tính ý nghĩa</p> <p>d. Tính ổn định</p>
39	<p>Câu 20. Hãy giải thích yêu cầu trong nghề Sư phạm: “<i>Mọi tác động trong dạy học và trong giáo dục phải đủ ngưỡng thì mới mang lại hiệu quả giáo dục</i>” là ứng dụng qui luật nào của cảm giác ?</p> <p>a. Tác động qua lại của các cảm giác</p> <p>b. Ngưỡng cảm giác</p> <p>c. Thích ứng của cảm giác</p> <p>d. Không đủ thông tin để xác định</p>
40	<p>Câu 21: Các nhà thiết kế thời trang thường phối đen với trắng để tạo màu sắc trong các trang phục. Cơ sở của cách phối màu này là dựa trên qui luật nào trong cảm giác?</p> <p>a. Quy luật tương phản đồng thời</p> <p>b. Quy luật về sự thích ứng của cảm giác</p> <p>c. Quy luật về ngưỡng cảm giác</p> <p>d. Quy luật tương phản nối tiếp</p>
41	<p>Câu 22: Qui luật nào của cảm giác được phản ánh trong trường hợp: Ban đêm, khi đèn chiếu sáng trong phòng vụt tắt và ngay lập tức mắt ta không nhìn thấy bất kỳ đồ vật gì trong phòng ngoài một màu đen tối.</p>

	<p>a. Qui luật ngưỡng cảm giác</p> <p>b. Qui luật thích ứng của cảm giác</p> <p>c. Qui luật tác động qua lại của các cảm giác</p> <p>d. Qui luật thích nghi cảm giác</p>
42	<p>Câu 23. Cảm giác có được từ những sóng âm, tức là những dao động của không khí gây nên. Cảm giác này phản ánh những thuộc tính của âm thanh thanh, tiếng nói (tần số dao động, biên độ dao động và âm sắc) đến tai người nghe là loại cảm giác nào sau đây?</p> <p>a. Cảm giác nhìn (Thị giác)</p> <p>b. Cảm giác ngửi (Khứu giác)</p> <p>c. Cảm giác nghe (Thính giác)</p> <p>d. Cảm giác nếm (Vị giác)</p>
43	<p>Câu 24: “ Quá trình nhận thức phản ánh một cách riêng lẻ từng thuộc tính của sự vật và hiện tượng khi chúng đang trực tiếp tác động vào các giác quan của ta”. Hiện tượng tâm lí nào dưới đây đã xuất hiện trong phát biểu trên?</p> <p>d. Tư duy</p> <p>e. Tưởng tượng</p> <p>f. Tri giác</p> <p>d. Cảm giác</p>
44	<p>Câu 25: “ Quá trình nhận thức phản ánh một cách trọn vẹn từng thuộc tính của sự vật và hiện tượng khi chúng đang trực tiếp tác động vào các giác quan của ta”. Hiện tượng tâm lí nào dưới đây đã xuất hiện trong phát biểu trên?</p> <p>a. Tư duy</p> <p>b. Tưởng tượng</p> <p>c. Tri giác</p> <p>d. Cảm giác</p>
45	<p>Câu 26: Trong hình bên, một số người nhìn thấy một cái cây trước, trong khi một số người nhìn thấy một con sư tử trước, một số người nhìn thấy con khỉ đột trước. Hiện tượng này phản ánh quy luật nào của tri giác:</p>

	<p>a. Quy luật về tính đối tượng</p> <p>b. Quy luật về tính lựa chọn</p> <p>c. Quy luật về tính ý nghĩa</p> <p>d. Quy luật về tính ổn định</p> 
46	<p>Câu 27: Cách hiểu nào đúng với ngưỡng cảm giác:</p> <p>a. Ngưỡng cảm giác là giới hạn mà ở đó kích thích gây được cảm giác</p> <p>b. Ngưỡng cảm giác không thay đổi trong cuộc sống</p> <p>c. Mỗi giác quan ứng với một loại kích thích nhất định và có cảm giác như nhau ở tất cả mọi người</p> <p>d. Cả a,b,c</p>
47	<p>Câu 28: Khi bạn tắm nước lạnh, ban đầu bạn cảm thấy khá lạnh nhưng sau một thời gian bạn không cảm thấy lạnh nhiều nữa. Hiện tượng này nhấn mạnh nhiều hơn đến quy luật nào của cảm giác:</p> <p>a. Quy luật ngưỡng</p> <p>b. Quy luật thích ứng</p> <p>c. Quy luật tác động qua lại giữa các cảm giác</p> <p>d. Không có cơ sở để xác định</p>
48	<p>Câu 29: Trong hình bên, bạn biết chắc chắn rằng cô gái không phải là người tí hon. Hiện tượng này phản ánh quy luật nào của tri giác:</p> <p>a. Quy luật về tính đối tượng</p> <p>b. Quy luật về tính lựa chọn</p> <p>c. Quy luật về tính ý nghĩa</p> <p>d. Quy luật về tính ổn định</p>

		
49	<p>Câu 30: Trong thực tế trên bảng điều khiển quạt điện, nút bật, tắt thường có màu khác biệt so với các nút còn lại. Người thiết kế đã sử dụng quy luật nào của tri giác để thiết kế bảng điều khiển?</p> <p>a. Tính ảo ảnh của tri giác</p> <p>b. Tính tổng giác của tri giác</p> <p>c. Tính lựa chọn của tri giác</p> <p>d. Tất cả đáp án trên</p>	
50	<p>Câu 31: Hãy lựa chọn đặc điểm đúng với quá trình cảm giác của con người được thể hiện trong các mệnh đề dưới đây:</p> <p>a. Sự phản ánh từng thuộc tính riêng lẻ bên ngoài của sự vật, hiện tượng</p> <p>b. Sự phản ánh trọn vẹn các thuộc tính bên ngoài của sự vật hiện tượng</p> <p>c. Sự phản ánh của chủ thể đối với thế giới bên ngoài</p> <p>d. Sự hoạt động phối hợp của một loạt các cơ quan phân tích</p>	
51	<p>Câu 32: Hãy lựa chọn đặc điểm đúng với quá trình tri giác của con người được thể hiện trong các mệnh đề dưới đây:</p> <p>a. Sự phản ánh trọn vẹn các thuộc tính bên ngoài của sự vật hiện tượng</p> <p>b. Sự phản ánh của chủ thể đối với thế giới bên ngoài</p> <p>c. Thiết lập mối liên hệ tâm lí giữa cơ thể với môi trường</p> <p>d. Kết quả hoạt động của từng cơ quan phân tích</p>	
52	<p>Câu 33: “ Dưới ảnh hưởng của một số mùi, người ta thấy độ nhạy cảm của thính giác tăng lên rõ rệt”. Qui luật nào của cảm giác được thể hiện trong ví dụ trên đây:</p>	

		<p>a. Qui luật về sự tác động lẫn nhau giữa các cảm giác (chuyên cảm giác)</p> <p>b. Qui luật về sự tác động lẫn nhau giữa các cảm giác (tương phản nối tiếp)</p> <p>c. Qui luật về sự thích ứng của cảm giác</p> <p>d. Qui luật về ngưỡng cảm giác</p>
	53	<p>Câu 34: “ Sau khi đứng trên xe ô tô buýt một lúc thì cảm giác khó chịu về mùi mồ hôi nồng nặc mất đi, còn người vừa mới lên xe lại cảm thấy rất khó chịu về mùi đó”. Qui luật nào của cảm giác được thể hiện trong trường hợp trên:</p> <p>a. Qui luật về sự thích ứng của cảm giác</p> <p>a. Qui luật về ngưỡng cảm giác</p> <p>b. Qui luật về sự tác động lẫn nhau giữa các cảm giác</p> <p>c. Qui luật về sự tác động lẫn nhau giữa các cảm giác (tương phản nối tiếp)</p>
	54	<p>Câu 35: “ Màu áo quần và mũ của bộ đội giống như màu của cây cối”. Qui luật nào của tri giác được thể hiện trong trường hợp trên:</p> <p>a. Tính lựa chọn của tri giác</p> <p>b. Qui luật về tính ổn định của tri giác</p> <p>c. Qui luật về tính ý nghĩa của tri giác</p> <p>d. Qui luật về tính ảo ảnh tri giác</p>
Bài số 3: Chú ý	55	<p>Câu 1: “Khả năng duy trì lâu dài chú ý vào một hay một số đối tượng của hoạt động”. Thuộc tính cơ bản nào của chú ý đã mô tả trên đây:</p> <p>a. Sự tập trung của chú ý</p> <p>b. Sự bền vững của chú ý</p> <p>c. Sự tập phân phối chú ý</p> <p>d. Sự tập phân tán chú ý</p>
	56	<p>Câu 2: Loại chú ý nào dưới đây không cần sự nỗ lực của bản thân?</p> <p>a. Chú ý có chủ định</p> <p>b. Chú ý không chủ định</p> <p>c. Chú ý sau chủ định</p> <p>d. Chú ý trước chủ định</p>
	57	<p>Câu 3: Hãy chỉ ra điều kiện nào là cần thiết để làm nảy sinh và duy trì sự chú ý có chủ định trong các ý dưới đây:</p> <p>a. Độ mới lạ của kích thích</p> <p>b. Sự tương phản của tác nhân kích thích</p> <p>c. Sử dụng các tâm thế đang có ở chủ thể</p>

		d. Xác định nhiệm vụ cần thực hiện để đạt mục đích tự giác
58	<p>Câu 4: Ta vẫn thường nói những cụm từ “chăm chú nhìn, lắng tai nghe, tập trung suy nghĩ”. Các hiện tượng chăm chú, lắng tai, tập trung... là những biểu hiện của hiện tượng tâm lí nào sau đây:</p> <p>a. Xúc cảm, tình cảm</p> <p>b. Trí nhớ</p> <p>c. Cảm giác</p> <p>d. Chú ý</p>	
59	<p>Câu 5: Trong quảng cáo các sản phẩm mới và để thu hút sự chú ý của người dùng đến sản phẩm của mình, các nhà thiết kế quảng cáo thường quan tâm đến yếu tố nào dưới đây:</p> <p>a. Độ tinh xảo của sản phẩm</p> <p>b. Độ mới lạ, độc đáo</p> <p>c. Độ thông dụng của sản phẩm</p> <p>d. Độ đặc biệt của sản phẩm</p>	
60	<p>Câu 6: Chú ý được xem như là một trạng thái tâm lí “đi kèm” các hoạt động tâm lí khác giúp cho các hoạt động tâm lí đó có kết quả, vì thế chú ý là điều kiện của hoạt động có ý thức. Các thuộc tính cơ bản của chú ý gồm:</p> <p>a. Sự tập trung của chú ý, sự bền bỉ của chú ý, sự phân tán chú ý và sự di chuyển chú ý</p> <p>b. Sự tập trung của chú ý, sự bền vững của chú ý, sự phân tán chú ý và sự di chuyển chú ý</p> <p>c. Sự tập trung của chú ý, sự bền vững của chú ý, sự phân phối chú ý và sự di chuyển chú ý</p> <p>d. Sự tập trung của chú ý, sự bền bỉ của chú ý, sự phân phối chú ý và sự di chuyển chú ý</p>	
61	<p>Câu 7: “Chú ý không có mục đích tự giác, không cần sự nỗ lực của bản thân. Chủ yếu do tác động bên ngoài gây ra, phụ thuộc vào đặc điểm vật kích thích”. Là biểu hiện của loại chú ý nào trong các loại chú ý dưới đây:</p> <p>a. Chú ý không chủ định</p> <p>b. Chú ý có chủ định</p>	

		<p>c. Chú ý “sau khi có chủ định”</p> <p>d. Cả 3 loại chú ý trên</p>
	62	<p>Câu 8: Loại chú ý này cần có chủ đích, có mục đích định trước và phải có sự nỗ lực của bản thân là đặc điểm của loại chú ý nào trong các cách phân loại chú ý dưới đây,</p> <p>a. Chú ý không chủ định</p> <p>b. Chú ý có chủ định</p> <p>c. Chú ý “sau khi có chủ định”</p> <p>d. Cả 3 loại chú ý trên</p>
	63	<p>Câu 9: “Loại chú ý này vốn là chú ý có chủ định, nhưng không đòi hỏi sự căng thẳng của ý chí, lôi cuốn con người vào nội dung và phương thức hoạt động tới mức khoái cảm, đem lại hiệu quả cao của chú ý...”. Không cần sự nỗ lực cao, sự căng thẳng của ý chí là đặc điểm của loại chú ý nào trong các cách phân loại chú ý dưới đây:</p> <p>a. Chú ý không chủ định</p> <p>b. Chú ý có chủ định</p> <p>c. Chú ý “sau khi có chủ định”</p> <p>d. Cả 3 loại chú ý trên</p>
Bài số 4: Trí nhớ	64	<p>Câu 10: Bộ nhớ nào có khả năng lưu giữ thông tin gần như không giới hạn?</p> <p>a. Trí nhớ giác quan</p> <p>b. Trí nhớ ngắn hạn</p> <p>c. Trí nhớ dài hạn</p> <p>d. Tất cả các bộ nhớ</p>
	65	<p>Câu 11: “<i>Quá trình tâm lí phản ánh những kinh nghiệm đã có của cá nhân dưới hình thức biểu tượng bằng cách ghi nhớ, giữ gìn và làm xuất hiện lại những điều mà con người đã trải qua</i>”. Hiện tượng tâm lí nào dưới đây đã xuất hiện trong phát biểu trên?</p> <p>a. Trí nhớ</p> <p>b. Tưởng tượng</p> <p>c. Tri giác</p> <p>d. Tư duy</p>
	66	<p>Câu 12: Trí nhớ nào sẽ được sử dụng để lưu trữ thông tin trong một thời</p>

	<p>gian dài?</p> <p>a. Trí nhớ giác quan</p> <p>b. Trí nhớ làm việc</p> <p>c. Trí nhớ dài hạn</p> <p>d. Cả 3 loại trí nhớ trên</p>
67	<p>Câu 13: Ghi nhớ không có mục đích đặt ra từ trước là loại ghi nhớ nào sau đây?</p> <p>a. Ghi nhớ không chủ định</p> <p>b. Ghi nhớ có chủ định</p> <p>c. Ghi nhớ logic</p> <p>d. Ghi nhớ máy móc</p>
68	<p>Câu 14: Hãy xác định mệnh đề đúng với trí nhớ:</p> <p>a. Biểu tượng của nó mang tính sáng tạo</p> <p>b. Biểu tượng của nó được tạo ra từ các hình ảnh thu được từ tri giác</p> <p>c. Sản phẩm là biểu tượng</p> <p>d. Phản ánh sự vật, hiện tượng khi chúng không còn tác động trực tiếp vào giác quan</p>
69	<p>Câu 15: Dựa vào tính chất của tính tích cực tâm lí nổi bật nhất trong một hoạt động nào đó, trí nhớ được phân loại theo theo đặc điểm của hoạt động mà trong đó diễn ra quá trình ghi nhớ và tái hiện. Hãy xác định trường hợp nào dưới đây đúng với loại trí nhớ vận động:</p> <p>a. Nhớ về các động tác của một bài thể dục</p> <p>b. Nhớ về một phong cảnh đẹp, một mùi thơm quyến rũ, ...</p> <p>c. Nhớ công thức toán bằng cách giải nhiều bài tập</p> <p>d. Nhớ giờ bắt đầu và địa điểm của một buổi nói chuyện</p>
70	<p>Câu 16: Dựa vào tính chất của tính tích cực tâm lí nổi bật nhất trong một hoạt động nào đó, trí nhớ được phân loại theo theo đặc điểm của hoạt động mà trong đó diễn ra quá trình ghi nhớ và tái hiện. Hãy xác định trường hợp nào dưới đây đúng với loại trí nhớ xúc cảm:</p> <p>a. Sự tái mặt hay đỏ mặt khi nhớ đến một kỉ niệm cũ</p> <p>b. Nhớ về một phong cảnh đẹp, một mùi thơm quyến rũ, ...</p>


	<p>c. Nhớ ý chính của một đoạn tài liệu học tập ,...</p> <p>d. Nhớ được kiến thức trong khi làm bài thi</p>
71	<p>Câu 17: Dựa vào tính chất của tính tích cực tâm lý nổi bật nhất trong một hoạt động nào đó, trí nhớ được phân loại theo theo đặc điểm của hoạt động mà trong đó diễn ra quá trình ghi nhớ và tái hiện. Hãy xác định trường hợp nào dưới đây đúng với loại trí nhớ từ ngữ - logic:</p> <p>a. Nhớ ý chính của một đoạn tài liệu học tập ,...</p> <p>b. Nhớ công thức toán bằng cách giải nhiều bài tập</p> <p>c. Nhớ giờ bắt đầu và địa điểm của một buổi nói chuyện</p> <p>d. Nhớ được kiến thức trong khi làm bài thi</p>
72	<p>Câu 18: Dựa vào tính chất của tính tích cực tâm lý nổi bật nhất trong một hoạt động nào đó, trí nhớ được phân loại theo theo đặc điểm của hoạt động mà trong đó diễn ra quá trình ghi nhớ và tái hiện. Hãy xác định trường hợp nào dưới đây đúng với loại trí nhớ hình ảnh:</p> <p>a. Nhớ về một phong cảnh đẹp, một mùi thơm quyến rũ, ...</p> <p>b. Sự tái mặt hay đỏ mặt khi nhớ đến một kỉ niệm cũ</p> <p>c. Học sinh nhớ ánh mắt của cô giáo khi giảng bài</p> <p>d. Nhớ giờ bắt đầu và địa điểm của một buổi nói chuyện</p>
73	<p>Câu 19: Tìm đặc điểm không phù hợp với quá trình tư duy của con người.</p> <p>a. Phản ánh những hình ảnh đã xảy ra trong quá khứ</p> <p>b. Nảy sinh trước các tình huống có vấn đề</p> <p>c. Sử dụng nguyên liệu của nhận thức cảm tính</p> <p>d. Là quá trình nhận thức đi tìm cái mới</p>
74	<p>Câu 20: Tư duy là quá trình phản ánh các thuộc tính như thế nào của sự vật, hiện tượng?</p> <p>a. Riêng lẻ bề ngoài của sự vật, hiện tượng</p> <p>b. Trọn vẹn bề ngoài của sự vật, hiện tượng</p> <p>c. Bản chất, mối liên hệ, quan hệ có tính quy luật mà ta đã biết</p> <p>d. Bản chất, mối liên hệ, quan hệ có tính quy luật mà trước đó ta chưa biết</p>
75	<p>Câu 21. Hành động mà qua đó người học phát hiện được logic của đối tượng, phát hiện được mối quan hệ nội tại của đối tượng tạo nên nội dung của hoạt động tư duy và là điểm xuất phát của quá trình lĩnh hội khái niệm</p>

	<p>của người học được gọi là hành động:</p> <p>a. Phân tích</p> <p>b. Mô hình hóa</p> <p>c. Cụ thể hóa</p> <p>d. Kiểm tra đánh giá</p>
76	<p>Câu 22. Một tình huống muốn làm nảy sinh tư duy phải thỏa mãn một số điều kiện. Điều kiện nào dưới đây là không cần thiết?</p> <p>a. Tình huống phải quen thuộc, không xa lạ với cá nhân</p> <p>b. Chứa vấn đề mà hiểu biết cũ, phương pháp hành động cũ không giải quyết được</p> <p>c. Cá nhân nhận thức được tình huống và giải quyết</p> <p>d. Vấn đề trong tình huống có liên quan đến kinh nghiệm của cá nhân</p>
77	<p>Câu 23: Áp dụng phương pháp “thử - sai”, sau vài lần lỡ chuyến xe bus, Nam đã xác định được thời điểm xe bus đến điểm chờ. Điều này nhấn mạnh nhiều hơn đến quá trình tâm lí nào dưới đây:</p> <p>a. Tưởng tượng</p> <p>b. Tư duy</p> <p>c. Cảm giác</p> <p>d. Tri giác</p>
78	<p>Câu 24. Câu chuyện quan sát hiện tượng quả táo rơi đã giúp Isaac Newton tìm ra định luật vạn vật hấp dẫn chứng minh cho đặc điểm nào sau đây của tư duy?</p> <p>a. Tính trừu tượng</p> <p>b. Tính khái quát</p> <p>c. Tư duy liên hệ chặt chẽ với nhận thức cảm tính</p> <p>d. Tư duy liên hệ chặt chẽ với ngôn ngữ</p>
79	<p>25. Thao tác nào của tư duy đã được sử dụng để phân chia đối tượng nhận thức thành các bộ phận thành phần khác nhau?</p> <p>a. Phân tích</p> <p>b. Tổng hợp</p> <p>c. Khái quát</p>



		d. So sánh
80	Câu 26. Thao tác nào của tư duy đã được sử dụng để hợp nhất các thành phần đã được tách rời nhờ sự phân tích thành một chỉnh thể?	a. Phân tích b. Tổng hợp c. Khái quát d. So sánh
81	Câu 27: Thao tác nào của tư duy đã được sử dụng để xác định sự giống và khác nhau, sự đồng nhất hay không đồng nhất, bằng nhau hay không bằng nhau giữa các đối tượng nhận thức?	a. Phân tích b. Tổng hợp c. Khái quát d. So sánh
82	Câu 28: Bạn đang cố gắng sử dụng một lí thuyết khoa học để giải thích: “ <i>tại sao nước biển có màu xanh khi nhìn từ xa</i> ”. Quá trình này nhấn mạnh nhiều hơn đến quá trình tâm lý nào?	a. Tưởng tượng b. Tư duy c. Cảm giác d. Tri giác
83	Câu 29: “ <i>Quá trình nhận thức phản ánh những thuộc tính bản chất, những mối liên hệ và quan hệ bên trong, có tính qui luật của sự vật và hiện tượng trong hiện thực khách quan mà trước đó ta chưa biết</i> ”. Hiện tượng tâm lí nào dưới đây đã xuất hiện trong phát biểu trên?	a. Tư duy b. Tưởng tượng c. Tri giác d. Cảm giác
84	Câu 30: Tư duy của người lao động khi lựa chọn con đường ngắn nhất (hoặc phương tiện tiện lợi nhất để đi đến nơi công sở). Hãy lựa chọn loại tư	


	<p>duy phù hợp đã được thể hiện trong trường hợp trên:</p> <p>a. Tư duy hình ảnh cụ thể</p> <p>b. Tư duy thực hành</p> <p>c. Tư duy trừu tượng</p> <p>d. Tư duy lí luận</p>
85	<p>Câu 31: Trẻ em làm toán bằng cách dùng tay di chuyển các đối tượng cụ thể (các miếng gỗ, cái kẹp...) tương ứng với các dữ kiện của bài toán. Hãy xác định loại tư duy phù hợp đã được thể hiện trong ví dụ trên:</p> <p>a. Tư duy trực quan - hành động</p> <p>b. Tư duy trực quan - hình ảnh</p> <p>c. Tư duy trừu tượng</p> <p>d. Tư duy lí luận</p>
86	<p>Câu 32: Hãy lựa chọn đặc điểm đặc trưng cho tư duy của con người được thể hiện trong ví dụ sau đây:</p> <p>a. Sản phẩm phản ánh là khái niệm khoa học</p> <p>b. Sản phẩm phản ánh là các biểu tượng mới</p> <p>c. Phản ánh một cách riêng lẻ các thuộc tính của các sự vật hiện tượng</p> <p>d. Phản ánh khi có sự tác động trực tiếp của các sự vật, hiện tượng vào các cơ quan cảm giác</p>
87	<p>Câu 33: Hãy lựa chọn đặc điểm chỉ đúng với tư duy của con người trong các ví dụ sau đây:</p> <p>a. Xuất hiện khi có dữ liệu rõ ràng, đầy đủ (tính bất định của vấn đề ít)</p> <p>b. Tạo ra các biểu tượng mới trên cơ sở các biểu tượng của trí nhớ</p> <p>c. Cho phép “nhảy cóc” qua một số giai đoạn</p> <p>d. Sự xây dựng hoặc tái tạo hình ảnh mà quá khứ chưa từng tri giác</p>
88	<p>Câu 34: Hãy lựa chọn đặc điểm chỉ đúng với tư duy của con người trong các ví dụ sau đây:</p> <p>a. Sản phẩm tạo ra là các khái niệm, qui luật</p> <p>b. Sản phẩm tạo ra là các biểu tượng</p> <p>c. Sáng tạo ra hình ảnh mới bằng những thủ thuật đặc biệt</p> <p>d. Sự xây dựng hoặc tái tạo hình ảnh mà quá khứ chưa từng tri giác</p>

89	<p>Câu 35: Hãy lựa chọn mệnh đề đúng với cả tư duy và tưởng tượng của con người được thể hiện dưới đây:</p> <p>a. Là quá trình nhận thức lí tính</p> <p>b. Xuất hiện khi có dữ liệu rõ ràng, đầy đủ</p> <p>c. Sản phẩm phản ánh là khái niệm khoa học</p> <p>d. Cho phép “nhảy cóc” qua một số giai đoạn</p>
90	<p>Câu 36: “Quá trình nhận thức phản ánh những cái chưa từng có trong kinh nghiệm của cá nhân bằng cách xây dựng những hình ảnh mới trên cơ sở những biểu tượng đã có”. Hiện tượng tâm lí nào dưới đây đã xuất hiện trong phát biểu trên?</p> <p>a. Cảm giác</p> <p>b. Tư duy</p> <p>c. Tưởng tượng</p> <p>d. Tri giác</p>
91	<p>Câu 37: Hãy lựa chọn đặc điểm chỉ đúng với tưởng tượng của con người trong các ví dụ sau đây:</p> <p>a. Xuất hiện khi tính bất định của tình huống có vấn đề lớn (dữ liệu không rõ ràng, không đầy đủ)</p> <p>b. Xuất hiện khi tính bất định của tình huống có vấn đề ít (dữ liệu rõ ràng, đầy đủ)</p> <p>c. Tìm ra cái mới bằng cách tiến hành các thao tác trí tuệ (phân tích, tổng hợp ...)</p> <p>d. Tạo ra sản phẩm bằng cách sắp xếp các khái niệm theo một cấu trúc mới</p>
92	<p>Câu 38: Hãy lựa chọn đặc điểm chỉ đúng với tưởng tượng của con người trong các ví dụ sau đây:</p> <p>a. Tạo ra sản phẩm phản ánh bằng cách sắp xếp các biểu tượng đã có theo một cấu trúc mới</p> <p>b. Tạo ra sản phẩm phản ánh là những kinh nghiệm đã từng tri giác trước đây</p> <p>c. Phản ánh một cách riêng lẻ các thuộc tính của sự vật, hiện tượng</p> <p>d. Phản ánh các dấu hiệu chung và bản chất của sự vật, hiện tượng chính xác và chặt chẽ cao</p>

93	<p>Câu 39: “ <i>Tạo ra những hình ảnh hoặc chương trình hành vi không được thực hiện hoặc không thể thực hiện được</i>”. Hãy lựa chọn đặc điểm phù hợp với loại tưởng tượng tương ứng dưới đây:</p> <p>a. Tưởng tượng tích cực b. Tưởng tượng tiêu cực c. Ước mơ d. Lý tưởng</p>
94	<p>Câu 40: “ <i>Tạo ra những hình ảnh nhằm đáp ứng những nhu cầu, kích thích tính tích cực của con người</i> ”. Hãy lựa chọn đặc điểm phù hợp với loại tưởng tượng tương ứng dưới đây:</p> <p>a. Tưởng tượng tích cực b. Tưởng tượng tiêu cực c. Ước mơ d. Lý tưởng</p>
95 → đã sửa lại chính tả	<p>Câu 41: “Tượng nhân sư” ở Giza là công trình kiến trúc nhấn mạnh nhiều hơn đến một cách tưởng tượng nào dưới đây:</p> <p>a. Nhấn mạnh b. Chắp ghép c. Liên hợp d. Diễn hình hóa</p> 
96	<p>Câu 42: Ý nào không phản ánh đúng vai trò của tư duy đối với con người?</p> <p>a. Giúp con người hành động có ý thức. b. Không bao giờ sai lầm trong nhận thức. c. Mở rộng vô hạn phạm vi nhận thức của con người. d. Giúp con người vượt khỏi sự thích nghi thụ động với môi trường.</p>
97	<p>Câu 43: Tư duy là quá trình phản ánh các thuộc tính như thế nào của sự vật,</p>

	<p>hiện tượng?</p> <p>a. Riêng lẻ bề ngoài</p> <p>b. Trộn vụn bề ngoài</p> <p>c. Bản chất, mối liên hệ, quan hệ có tính quy luật mà ta đã biết</p> <p>d. Bản chất, mối liên hệ, quan hệ có tính quy luật mà trước đó ta chưa biết</p>
98	<p>Câu 44: Sản phẩm của quá trình tư duy là gì?</p> <p>a. Biểu tượng mới</p> <p>b. Biểu tượng đã có</p> <p>c. Hình ảnh</p> <p>d. Lập luận, phán đoán, suy luận</p>
99	<p>Câu 45: Học sinh đã không dùng đến thao tác tư duy nào trong trường hợp sau đây: Học sinh xếp cá voi vào loài cá vì sống ở dưới nước và có cùng chữ cá</p> <p>a. Thao tác phân tích</p> <p>b. Thao tác trừu tượng hóa</p> <p>c. Thao tác so sánh</p> <p>d. Thao tác tổng hợp</p>
100	<p>Câu 46:</p> <p>Sự đổi mới sáng tạo về các loại bút viết được mô tả trong bức hình dưới đây nhấn mạnh nhiều hơn đến một cách tưởng tượng nào dưới đây:</p> <p>a. Nhấn mạnh</p> <p>b. Chắp ghép</p> <p>c. Liên hợp</p> <p>d. Loại suy</p> <div data-bbox="933 1052 1532 1590"> </div>
101	Câu 47

		<p>Sự đổi mới sáng tạo trong bức hình dưới đây nhấn mạnh nhiều hơn đến một cách tưởng tượng nào dưới đây:</p> <p>a. Nhấn mạnh</p> <p>b. Chắp ghép</p> <p>c. Liên hợp</p> <p>d. Thay đổi kích thước, số lượng</p>	
102	<p>Câu 48: Nhà hình chiếc giày là công trình kiến trúc nhấn mạnh nhiều hơn đến cách tưởng tượng nào dưới đây:</p> <p>a. Loại suy</p> <p>b. Chắp ghép</p> <p>c. Liên hợp</p> <p>d. Diễn hình hóa</p>		
103	<p>Câu 49: Cla-nhe (một kĩ sư người Mỹ) đã dựa vào cấu tạo đặc biệt của lớp da cá heo mà chế tạo thành công tàu cá heo giảm được 60% sức cản của nước. Phương pháp sáng chế ra biểu tượng mới nhấn mạnh nhiều hơn đến cách tưởng tượng nào dưới đây:</p> <p>a. Diễn hình hoá.</p> <p>b. Liên hợp.</p> <p>c. Chắp ghép.</p> <p>d. Loại suy.</p>		
104	<p>Câu 50: Rô bốt bay mô phỏng chuyển động của chim/bướm là nhấn mạnh nhiều hơn đến các tưởng tượng nào dưới đây:</p> <p>a. Loại suy</p> <p>b. Chắp ghép</p>		

		<p>c. Liên hợp</p> <p>d. Diễn hình hóa</p> 
	105	<p>Câu 51: “ Tạo ra hình ảnh chói lọi, rực sáng, cụ thể, hấp dẫn của cái tương lai mong muốn, thúc đẩy cá nhân vươn lên thành hiện thực” là biểu hiện của loại tưởng tượng nào dưới đây ?</p> <p>a. Tưởng tượng tích cực</p> <p>b. Tưởng tượng tiêu cực</p> <p>c. Ước mơ</p> <p>d. Lý tưởng</p>
Mức độ 2: Khá (Tương đối khó)		
Bài số 1: công dụng của tâm lí	106	<p>Câu 1: Hiện tượng sinh lí và hiện tượng tâm lí thường:</p> <p>a. Diễn ra song song trong não</p> <p>b. Đồng nhất với nhau</p> <p>c. Có quan hệ chặt chẽ với nhau</p> <p>d. Có quan hệ chặt chẽ với nhau, tâm lí có cơ sở vật chất là não bộ</p>
	107	<p>Câu 2. Điều kiện cần và đủ để có hiện tượng tâm lí người là:</p> <p>a. Có thế giới khách quan và não</p> <p>b. Thế giới khách quan tác động vào não và não hoạt động bình thường</p> <p>c. Thế giới khách quan tác động vào não</p> <p>d. Não hoạt động bình thường</p>
	108	<p>Câu 3. Người chiến sĩ Công an sử dụng chó nghiệp vụ để phá án, vậy hành vi truy tìm dấu vết của tội phạm ở loài chó nghiệp vụ là hành vi nào sau đây:</p> <p>a. Bản năng</p> <p>b. Kỹ xảo</p> <p>c. Trí tuệ</p> <p>d. Kỹ thuật</p>
	109	<p>Câu 4. Hiện tượng nào dưới đây là thuộc tính tâm lí?</p> <p>a. Học sinh B luôn thẳng thắn và công khai lên án các bạn có thái độ không</p>

	<p>trung thực trong thi cử</p> <p>b. Học sinh C cảm thấy hài lòng khi trình bày đúng các kiến thức trong bài học</p> <p>c. Nghe và nghĩ về những điều thầy giảng</p> <p>d. Tim đập như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực</p>
110	<p>Câu 5: Khi quyết định đưa ra sản phẩm mới đến tay người tiêu dùng, nhà kinh doanh cần quan tâm nghiên cứu môi trường xã hội: hoàn cảnh sống, nguồn thu nhập cá nhân, trình độ phát triển cộng đồng và các mối quan hệ xã hội - nền văn hóa trong đó người tiêu dùng sống và hoạt động. Nhận định này được đưa ra dựa vào cơ sở nào của bản chất hiện tượng tâm lý người?</p> <p>a. Tâm lý người do thượng đế, do trời sinh ra</p> <p>b. Tâm lý người do não tiết ra tâm lí</p> <p>c. Tâm lý người có nguồn gốc tự nhiên</p> <p>d. Tâm lý người có nguồn gốc xã hội</p>
111	<p>Câu 6: Nhân tố nào là quan trọng nhất trong sự hình thành tự ý thức bản thân?</p> <p>a. Hoạt động của cá nhân</p> <p>b. Giao tiếp với người khác, với xã hội</p> <p>c. Cá nhân tự nhận thức, tự tỏ thái độ, tự phân tích hành vi và tự điều khiển, điều chỉnh bản thân.</p> <p>d. Tiếp thu ý thức xã hội và nền văn hóa xã hội</p>
112	<p>Câu 7. Khi nghiên cứu, tìm hiểu cũng như hình thành và cải tạo nét tâm lí nào đó của con người, cần nghiên cứu, tìm hiểu hoàn cảnh môi trường trong đó con người sống và hoạt động là vì:</p> <p>a. Tâm lý người có nguồn gốc là thế giới tự nhiên</p> <p>b. Tâm lý người có nguồn gốc là thế giới khách quan</p> <p>c. Tâm lý người mang tính chủ thể</p> <p>d. Tâm lý người sẵn có từ khi con người sinh ra</p>
113	<p>Câu 8: Hoạt động học ở người học hướng vào làm thay đổi:</p> <p>a. Đối tượng của hoạt động học</p> <p>b. Khách thể của hoạt động học</p>

		c. Động cơ của hoạt động học d. Chủ thể của hoạt động học
114	Câu 9. “ <i>Giao tiếp được thực hiện bằng các tín hiệu phi ngôn ngữ: qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt...</i> ”. Quan niệm này đúng cho cách phân loại giao tiếp nào đã được liệt kê dưới đây:	a. Giao tiếp vật chất b. Giao tiếp phi ngôn ngữ c. Giao tiếp không chính thức d. Giao tiếp chính thức
115	Câu 10. “ <i>Giao tiếp được thực hiện thông qua các hành động với vật thể</i> ”. Quan niệm này đúng cho cách phân loại giao tiếp nào đã được liệt kê dưới đây:	a. Giao tiếp vật chất b. Giao tiếp phi ngôn ngữ c. Giao tiếp không chính thức d. Giao tiếp chính thức
116	Câu 11: Hãy cho biết trường hợp nào dưới đây là sự giao tiếp:	a. Em bé đang ngắm cảnh đẹp thiên nhiên. b. Con khỉ gọi bầy. c. Em bé vuốt ve, trò chuyện với chủ mèo d. Cô giáo giảng bài
117	Câu 12: Hãy cho biết trường hợp nào trong số các trường hợp sau đây là sự giao tiếp :	a. Con khỉ đầu đàn đang hú gọi các con khỉ khác trong đàn của mình b. Người chiến sĩ biên phòng đang điều khiển cho chó làm nhiệm vụ tuần tra c. Hai con khỉ đang bắt chấy cho nhau d. Hai em học sinh đang truy bài cho nhau
118	Câu 13: Ngôn ngữ là :	a. Hiện tượng tâm lí cá nhân b. Quá trình giao tiếp xã hội c. Mang dấu ấn cá nhân rõ rệt

		d. Một hệ thống kí hiệu từ ngữ
119	<p>Câu 14. Tiếng kêu của động vật được dùng để trao đổi tín hiệu như: gọi bạn, báo có thức ăn, báo có nguy hiểm... Vậy, tiếng kêu của động vật được hiểu là:</p> <p>a. Không phải là ngôn ngữ</p> <p>b. Là loại ngôn ngữ riêng</p> <p>c. Là loại ngôn ngữ đặc biệt</p> <p>d. Là ngôn ngữ tượng thanh</p>	
120	<p>Câu 15: Tâm lí người khác xa tâm lí của động vật cấp cao ở luận điểm nào dưới đây:</p> <p>a. Tâm lí người là kết quả của quá trình phản ánh hiện thực khách quan</p> <p>b. Tâm lí người có tính chủ thể</p> <p>c. Tâm lí người mang tính bản năng</p> <p>d. Tâm lí người có bản chất xã hội và mang tính lịch sử</p>	
121	<p>Câu 16: Hình ảnh tâm lí mang tính chủ thể được cắt nghĩa bởi:</p> <p>a. Sự khác nhau về môi trường sống của cá nhân.</p> <p>b. Sự phong phú của các mối quan hệ xã hội.</p> <p>c. Những đặc điểm riêng về hệ thần kinh, hoàn cảnh sống và tính tích cực hoạt động của cá nhân.</p> <p>d. Tính tích cực hoạt động của cá nhân khác nhau.</p>	
122	<p>Câu 17: Các hiện tượng tâm lí diễn ra trong thời gian tương đối dài, không có mở đầu, diễn biến và kết thúc rõ ràng là những đặc trưng của hiện tượng tâm lí nào:</p> <p>a. Quá trình tâm lí b. Trạng thái tâm lí</p> <p>c. Thuộc tính tâm lí d. Không có đủ cơ sở để xác định rõ ràng</p>	
123	<p>Câu 18: Thuộc tính tâm lí là những hiện tượng tâm lí:</p> <p>a. Không thay đổi</p> <p>b. Thay đổi theo thời gian</p> <p>c. Tương đối ổn định và bền vững</p> <p>d. Tính bền vững và bất biến</p>	
124	<p>Câu 19: Các chỉ dẫn và ghi chú đầy đủ ở các thiết bị máy móc hoặc đồ dùng trong sinh hoạt được ứng dụng quy luật gì trong tri giác ?</p> <p>a. Quy luật lựa chọn</p> <p>b. Quy luật trọn vẹn</p> <p>c. Quy luật ý nghĩa</p>	

		d. Qui luật tính đối tượng
Cảm giác-tri giác	125	<p>Câu 1: “ Cường độ kích thích tối thiểu đủ để gây ra cảm giác”. Nội dung được mô tả trên đã thể hiện đặc điểm nào trong các quy luật của cảm giác?</p> <p>a. Ngưỡng cảm giác phía trên(ngưỡng tối đa)</p> <p>b. Ngưỡng cảm giác phía dưới (ngưỡng tuyệt đối)</p> <p>c. Ngưỡng cảm giác sai biệt</p> <p>d. Độ nhạy cảm sai biệt</p>
	126	<p>Câu 2: Trong cửa hàng tiện lợi, siêu thị người ta thường hay để mặt hàng trẻ em yêu thích ở tầng thấp, phù hợp với chiều cao của trẻ. Cách trưng bày này đã sử dụng quy luật nào của cảm giác?</p> <p>a. Quy luật ngưỡng cảm giác</p> <p>b. Quy luật về sự thích ứng</p> <p>c. Quy luật tác động qua lại tương phản</p> <p>d. Quy luật tác động qua lại đồng thời</p>
	127	<p>Câu 3: Trong khi thuyết trình, sinh viên cần phải nói rõ ràng và đủ nghe. Quy luật nào của cảm giác đã xuất hiện trong yêu cầu Sư phạm trên?</p> <p>a. Qui luật tác động lẫn nhau của các cảm giác</p> <p>b. Qui luật ngưỡng cảm giác</p> <p>c. Qui luật thích ứng cảm giác</p> <p>d. Cả ba đáp án trên</p>
	128	<p>Câu 4. Trong khi thuyết trình, diễn giả cần phải nói rõ ràng, ngắn gọn và âm lượng tới thính giả đủ nghe là 1000 HZ. Quy luật nào của cảm giác đã xuất hiện trong tình huống trên?</p> <p>a. Tác động qua lại của các cảm giác</p> <p>b. Ngưỡng cảm giác</p> <p>c. Thích ứng của cảm giác</p> <p>d. Không đủ thông tin để xác định</p>
	129	<p>Câu 5: Khi mất điện, lúc đầu bạn sẽ không nhìn thấy gì sau đó sẽ nhìn thấy mọi vật rõ hơn. Đó là quy luật nào của cảm giác?</p> <p>a. Tác động qua lại của các cảm giác</p> <p>b. Ngưỡng cảm giác</p>

		<p>c. Thích ứng của cảm giác</p> <p>d. Không đủ thông tin để xác định</p>
130		<p>Câu 6. Dựa trên quy luật nào của tri giác, các chuyên gia tâm lí khuyên mọi người cần tạo được ấn tượng tốt đẹp ngay trong lần gặp đầu tiên khi giao tiếp để mở đầu cho một mối quan hệ mới:</p> <p>a. Quy luật về tính có ý nghĩa</p> <p>b. Quy luật tính lựa chọn</p> <p>c. Quy luật tổng giác</p> <p>d. Quy luật tính ổn định</p>
131		<p>Câu 7: Hình thức định hướng đầu tiên (mức thấp nhất) trong nhận thức của con người trong hiện thực khách quan là:</p> <p>a. Cảm giác.</p> <p>b. Tri giác.</p> <p>c. Tư duy</p> <p>d. Tưởng tượng.</p>
132		<p>Câu 8: “<i>Khi sự vật ở thế giới bên ngoài mang lại hình ảnh cấu trúc của thông tin về sự vật ấy tác động vào các giác quan của ta, cho ta hình ảnh của sự vật.</i>”. Phát biểu trên đây của Robert J. Stenberg (1999) mô tả hiện tượng tâm lí nào của con người?</p> <p>a. Tri giác</p> <p>b. Tư duy</p> <p>c. Tưởng tượng</p> <p>d. Cảm giác</p>
133		<p>Câu 9. Kết quả quá trình nhận thức chịu ảnh hưởng bởi cảm xúc, trải nghiệm đã có của cá nhân về sự vật hiện tượng đang tri giác là biểu hiện của quy luật tri giác nào dưới đây?</p> <p>a. Tính đối tượng</p> <p>b. Tính tổng giác</p> <p>c. Tính ý nghĩa</p> <p>d. Tính ảo ảnh tri giác</p>
134		<p>Câu 10: Khi thời tiết ngoài trời ở mức 40 độ, nhà sản xuất khuyên mức</p>

		<p>nhệt điều hòa tốt nhất nên để trong khoảng từ 25⁰ đến 28⁰. Mức nhiệt này được đưa ra dựa trên quy luật nào sau đây?</p> <p>a. Quy luật về sự tương phản của cảm giác</p> <p>b. Quy luật về sự tăng tính nhạy cảm trong cảm giác</p> <p>c. Quy luật về sự thích ứng của cảm giác</p> <p>d. Quy luật về ngưỡng của cảm giác</p>
135		<p>Câu 11: Luận điểm nào không đúng về hiện tượng ảo ảnh trong tri giác?</p> <p>a. Cho hình ảnh tri giác sai lệch về đối tượng</p> <p>b. Không cần thiết trong đời sống con người</p> <p>c. Phụ thuộc vào bối cảnh tri giác</p> <p>d. Ít xảy ra nhưng vẫn là quy luật</p>
136		<p>Câu 12: Khả năng nào của tri giác giúp cá nhân tạo ra hình ảnh sự vật, hiện tượng theo những cấu trúc nhất định?</p> <p>a. Tính trọn vẹn</p> <p>b. Tính kết cấu</p> <p>c. Tính tổng hợp</p> <p>d. Tính ý nghĩa</p>
137		<p>Câu 13: Khi bạn đeo một chiếc đồng hồ nhẹ, bạn không hề có cảm giác về khối lượng của nó. Đó là do khối lượng của đồng hồ:</p> <p>a. Nằm dưới ngưỡng cảm giác phía dưới của tay về khối lượng</p> <p>b. Nằm trên ngưỡng cảm giác phía dưới của tay về khối lượng</p> <p>c. Nằm dưới ngưỡng cảm giác phía trên của tay về khối lượng</p> <p>d. Nằm trên ngưỡng cảm giác phía trên của tay về khối lượng</p>
138		<p>Câu 14: Ở một nơi ồn ào, bạn bấm nút để tăng ‘âm lượng’ của một chiếc điện thoại. Bạn nhìn thấy rõ ràng chỉ thị âm lượng trên màn hình điện thoại để tăng lên một vạch, nhưng bạn không hề cảm thấy âm lượng to hơn. Nguyên nhân này là do mức tăng âm lượng:</p> <p>a. Nằm dưới ngưỡng sai biệt về âm thanh</p> <p>b. Nằm trên ngưỡng sai biệt về âm thanh</p> <p>c. Nằm dưới ngưỡng cảm giác phía dưới về âm thanh</p> <p>d. Nằm trên ngưỡng cảm giác phía trên về âm thanh</p>
Bài số	139	<p>Câu 1: Khi bạn ở trong một cuộc hội thoại tiếng Anh, bạn sẽ cần nhớ đủ nội dung</p>

4: Trí nhớ		<p>của mỗi câu để hiểu những gì họ nói và quyết định cách trả lời tốt nhất. Những câu hội thoại tiếng Anh được lưu giữ chủ yếu tại:</p> <p>a. Trí nhớ giác quan</p> <p>b. Trí nhớ ngắn hạn</p> <p>c. Trí nhớ dài hạn</p> <p>d. Tất cả bộ nhớ</p>
	140	<p>Câu 2: Tiêu chí để phân loại trí nhớ thành trí nhớ ngắn hạn, trí nhớ dài hạn và trí nhớ thao tác là:</p> <p>a. Mức độ kéo dài của sự giữ gìn tài liệu đối với hoạt động</p> <p>b. Tính chất của tính tích cực tâm lí nổi bật nhất trong một hoạt động nào đó</p> <p>c. Tính chất mục đích của hoạt động</p> <p>d. Giác quan đóng vai trò chủ đạo trong trí nhớ</p>
	141	<p>Câu 3: Ghi nhớ dựa theo dàn ý của tài liệu học tập và những mối liên hệ logic giữa các bộ phận của tài liệu là biểu hiện của loại ghi nhớ nào?</p> <p>a. Ghi nhớ máy móc</p> <p>b. Ghi nhớ có ý nghĩa</p> <p>c. Ghi nhớ không chủ định</p> <p>d. Tất cả các đáp án trên</p>
	142	<p>Câu 4 : Điều nào không đúng với ghi nhớ có ý nghĩa?</p> <p>a. Ghi nhớ dựa trên sự thông hiểu nội dung của tài liệu</p> <p>a. Đảm bảo sự lĩnh hội tri thức một cách sâu sắc, bền vững</p> <p>b. Ghi nhớ dựa trên sự lặp đi lặp lại nhiều lần một cách giản đơn</p> <p>c. Ghi nhớ dựa trên sự nhận thức được những mối liên hệ logic giữa các bộ phận của tài liệu</p>
	143	<p>Câu 5. Một sinh viên đã chia sẻ về cách học tập hiệu quả rằng, bạn ấy thường sử dụng Bản đồ tư duy để ghi nhớ kiến thức các môn học nhờ đó mà đạt kết quả học tập cao. Cách ghi nhớ trong học tập của bạn sinh viên đó thuộc loại nào dưới đây?</p> <p>a. Ghi nhớ máy móc</p> <p>b. Ghi nhớ có ý nghĩa</p> <p>c. Ghi nhớ không chủ định</p> <p>d. Tất cả các đáp án trên</p>

144	<p>Câu 6. Thiên tài âm nhạc Mô-da lúc lên 4 tuổi chỉ cần xem người khác biểu diễn một đoạn nhạc trên đàn piano là ông có thể chơi lại chính xác như vậy. Biệt tài đó của Mô-da cho thấy tính ưu thế, chủ đạo của giác quan nào trong trí nhớ?</p> <p>a. Trí nhớ bằng tai</p> <p>b. Trí nhớ bằng mắt</p> <p>c. Trí nhớ bằng tay</p> <p>d. Trí nhớ bằng mũi</p>
145	<p>Câu 7. Hãy xác định mệnh đề đúng với trí nhớ:</p> <p>a. Có sử dụng ngôn ngữ</p> <p>b. Có sản phẩm là “biểu tượng của biểu tượng”</p> <p>c. Sản phẩm là biểu tượng</p> <p>d. Sản phẩm phản ánh vừa mang tính trực quan vừa mang tính khái quát</p>
146	<p>Câu 8. Dưới đây là những đặc điểm của trí nhớ con người và các biểu hiện của đặc điểm trí nhớ máy. Hãy chọn đặc điểm nào phù hợp với đặc điểm trí nhớ con người ?</p> <p>a. Ghi nhớ thông tin được tiêu chuẩn hóa một cách chặt chẽ</p> <p>b. Ghi nhớ thông tin không tin được tiêu chuẩn hóa một cách chặt chẽ</p> <p>c. Toàn bộ khối lượng tài liệu có thể được ghi nhớ nguyên vẹn</p> <p>d. Toàn bộ khối lượng thông tin trong tài liệu luôn được ghi nhớ nguyên vẹn</p>
147	<p>Câu 9. Dưới đây là những đặc điểm của trí nhớ con người và các biểu hiện của đặc điểm trí nhớ máy. Hãy chọn đặc điểm nào phù hợp với đặc điểm trí nhớ máy?</p> <p>a. Ghi nhớ thông tin được tiêu chuẩn hóa một cách chặt chẽ</p> <p>b. Ghi nhớ thông tin không được tiêu chuẩn hóa</p> <p>c. Các quá trình tri giác, gìn giữ, xử lý thông tin đều mang tính chất chọn lọc</p> <p>d. Các quá trình tri giác, gìn giữ, xử lý thông tin được thực hiện nhờ những biến đổi hóa - điện trong các hợp chất prôtêin</p>
148	<p>Câu 10. Dựa vào tính mục đích của hoạt động để phân loại trí nhớ. Hãy xác định trường hợp nào dưới đây đúng với loại trí nhớ không chủ định:</p> <p>a. Học sinh nhớ ánh mắt của cô giáo khi giảng bài</p>

		<p>b. Nhớ công thức toán bằng cách giải nhiều bài tập</p> <p>c. Sự tái mặt hay đồ mặt khi nhớ đến một kỉ niệm cũ</p> <p>d. Nhớ về một phong cảnh đẹp, một mùi thơm quyến rũ, ...</p>
	149	<p>Câu 11. Dựa vào tính mục đích của hoạt động để phân loại trí nhớ. Hãy xác định trường hợp nào dưới đây đúng với loại trí nhớ có chủ định:</p> <p>a. Nhớ công thức toán bằng cách giải nhiều bài tập</p> <p>b. Nhớ được kiến thức trong khi làm bài thi</p> <p>c. Nhớ ý chính của một đoạn tài liệu học tập ,...</p> <p>d. Nhớ về các động tác của một bài thể dục</p>
	150	<p>Câu 12. Phát biểu nào không là đặc trưng của trí nhớ dài hạn?</p> <p>a. Những ký ức được truy cập thường xuyên trở nên mạnh mẽ hơn và dễ nhớ hơn</p> <p>b. Các trải nghiệm được lưu giữ ở trạng thái cố định vĩnh viễn</p> <p>c. Trí nhớ dài hạn có khả năng lưu giữ thông tin gần như không giới hạn</p> <p>d. Các kí ức dài hạn được kích hoạt lại và diễn tập trong giấc ngủ.</p>
	151	<p>Câu 13: Theo mô hình của Baddeley và Hitch (1974), trí nhớ làm việc là sự diễn giải rõ hơn bộ nhớ nào dưới đây:</p> <p>a. Trí nhớ giác quan</p> <p>b. Trí nhớ ngắn hạn</p> <p>c. Trí nhớ dài hạn</p> <p>d. Tất cả bộ nhớ</p>
	152	<p>Câu 14: Khi bạn vừa nghe được một số điện thoại và bạn liên tục nhắm đi nhắm lại nó để tìm bút ghi lại số điện thoại đó. Số điện thoại ấy được lưu giữ chủ yếu tại:</p> <p>a. Trí nhớ giác quan</p> <p>b. Trí nhớ ngắn hạn</p> <p>c. Trí nhớ dài hạn</p> <p>d. Tất cả bộ nhớ</p>
Chú ý	153	<p>Câu 1: Hãy chỉ ra điều kiện nào là cần thiết để làm nảy sinh và duy trì sự chú ý có chủ định của người học trong giờ học trên lớp?</p> <p>a. Cường độ kích thích</p> <p>b. Do sự mới lạ và tương phản của các tác nhân kích thích</p> <p>c. Sự trái ngược giữa vật kích thích và bối cảnh</p> <p>d. Nêu câu hỏi và giải các bài tập trong một khoảng thời gian nhất định</p>
	154	<p>Câu 2. Các nhà kinh doanh khi tìm hiểu “Máy bán hàng tự động” để phục</p>

		<p>vụ khách hàng nơi công cộng, thường quan tâm tới những nơi đông người qua lại và có màu sắc nổi bật là ứng dụng loại chú ý nào dưới đây?</p> <p>a. Chú ý sau khi có chủ định</p> <p>b. Chú ý trong khi có chủ định</p> <p>c. Chú ý không chủ định</p> <p>d. Chú ý thiếu chủ định</p>
	155	<p>Câu 3. Để học tập và làm việc hiệu quả, các chuyên gia tâm lý khuyên mọi người nên sắp xếp chỗ ngồi gọn gàng ngăn nắp, tránh những tác động nhiễu từ bên ngoài: <i>tiếng ồn, đồ vật mới lạ...</i>, là muốn nhấn mạnh đến thuộc tính nào của chú ý dưới đây:</p> <p>a. Sự di chuyển chú ý</p> <p>b. Sự tập trung chú ý</p> <p>c. Sự phân phối chú ý</p> <p>d. Sự phân tán chú ý</p>
	156	<p>Câu 4. Các nhà quảng cáo thường dùng những tấm biển khổ lớn với màu sắc nổi bật đặt tại những nơi đông người qua lại là nhằm hướng vào loại chú ý nào của con người?</p> <p>a. Chú ý không chủ định</p> <p>b. Chú ý có chủ định</p> <p>c. Chú ý “<i>sau khi có chủ định</i>”</p> <p>d. Không có chú ý</p>
Bài số 5: Tư duy- trở tượng	157	<p>Câu 1: Hãy đánh dấu vào mệnh đề đúng với tư duy</p> <p>a. Xuất hiện khi tính bất định của tình huống có vấn đề ít (dữ liệu rõ ràng, đầy đủ)</p> <p>b. Xuất hiện khi tính bất định của tình huống có vấn đề lớn (dữ liệu không rõ ràng, không đầy đủ)</p> <p>c. Sáng tạo ra hình ảnh mới bằng các thủ thuật đặc biệt</p> <p>d. Sản phẩm tạo ra là các biểu tượng</p>
	158	<p>Câu 2. Tư duy khác tưởng tượng chủ yếu ở đặc điểm nào:</p> <p>a. Làm cho hoạt động con người có ý thức</p> <p>b. Sự chặt chẽ trong cách giải quyết vấn đề</p> <p>c. Liên quan đến nhận thức cảm tính</p> <p>d. Cả a, b, c</p>

159	<p>Câu 3: Một kỹ sư đang quan sát sơ đồ nguyên lý của một thiết bị để tìm ra nguyên nhân của sự cố đã xảy ra trên thiết bị. Người kỹ sư đó đang sử dụng loại tư duy nào dưới đây:</p> <p>a. Tư duy trực quan hành động</p> <p>b. Tư duy trực quan hình ảnh</p> <p>c. Tư duy trừu tượng</p> <p>d. Tư duy lí luận</p>
160	<p>Câu 4: Tìm dấu hiệu không phù hợp với quá trình tư duy của con người.</p> <p>a. Phản ánh những trải nghiệm của cuộc sống.</p> <p>b. Phản ánh hiện thực bằng con đường gián tiếp.</p> <p>c. Kết quả nhận thức mang tính khái quát.</p> <p>d. Diễn ra theo một quá trình</p>
161	<p>Câu 5: Trong quá trình tư duy nhằm xem xét sự đúng đắn của các giả thuyết để khẳng định (hoặc phủ định) giả thuyết là biểu hiện của giai đoạn nào:</p> <p>a. Xác định và biểu đạt vấn đề</p> <p>b. Xuất hiện các liên tưởng</p> <p>c. Sàng lọc liên tưởng và hình thành giả thuyết</p> <p>d. Kiểm tra giả thuyết</p>
162	<p>Câu 6: Bạn đang cố gắng sử dụng các định luật vật lí để chứng minh tại sao xe máy thường bị trượt ngã khi người lái phanh cứng bánh xe phía sau. Điều này phản ánh hiện tượng tâm lý nào dưới đây?</p> <p>a. Quá trình cảm giác b. Quá trình tri giác</p> <p>c. Quá trình tưởng tượng d. Quá trình tư duy</p>
163	<p>Câu 7 Tư duy trực quan - hành động là loại tư duy giải quyết nhiệm vụ được thực hiện:</p> <p>a. Nhờ cải tổ thực tế tình huống bằng hành động vận động có thể quan sát được</p> <p>b. Nhờ cải tổ tình huống chỉ trên bình diện hình ảnh của sự vật hiện tượng</p> <p>c. Dựa trên sự sử dụng các khái niệm, các mối quan hệ logic và vận hành nhờ ngôn ngữ</p> <p>d. Tất cả các đáp án trên</p>
164	<p>Câu 8: Hãy đánh dấu vào mệnh đề đúng với tưởng tượng</p> <p>a. Tạo ra sản phẩm bằng cách sắp xếp các biểu tượng đã có theo một cấu trúc mới</p> <p>b. Tạo ra sản phẩm bằng cách sắp xếp các khái niệm theo một cấu trúc mới</p> <p>c. Sản phẩm phản ánh có tính chính xác, hợp lý và chặt chẽ cao</p> <p>d. Tìm ra cái mới bằng cách tiến hành các thao tác trí tuệ trải qua nhiều giai đoạn</p>

		khác nhau
165	Câu 9: Robot lau nhà được trang bị cảm biến siêu âm và cảm biến tiệm cận giúp phát hiện và tránh vật cản trong lúc làm việc. Khi thiết kế, người kỹ sư đã dùng phương pháp sáng tạo nào là chủ yếu trong quá trình tưởng tượng? a. Thay đổi kích thước số lượng b. Liên hợp (đa năng) c. Loại suy (mô phỏng) d. Nhấn mạnh	
166	Câu 10: Xe tăng lội nước, thủy phi cơ, ô tô bay là những ý tưởng kỹ thuật nhấn mạnh nhiều hơn đến cách tưởng tượng nào: a. Chắp ghép b. Diễn hình hóa c. Loại suy d. Liên hợp	
167	Câu 11: Hình tượng Phật Bà Nghìn mắt Nghìn tay đã được con người tạo ra bằng cách (thủ thuật) sáng tạo nào trong quá trình tưởng tượng ? a. Nhấn mạnh b. Chắp ghép c. Thay đổi kích thước d. Diễn hình hóa	
168	Câu 12: Hình ảnh “Nàng tiên cá”- một biểu tượng cho vẻ đẹp, quyến rũ của người phụ nữ đã được con người tạo ra bằng cách (thủ thuật) sáng tạo nào trong quá trình tưởng tượng ? a. Nhấn mạnh b. Diễn hình hóa c. Thay đổi kích thước d. Chắp ghép	
169	Câu 13: “Quả cầu địa lý” mô phỏng Trái đất thường sử dụng làm giáo cụ trực quan trong các nhà trường đã được con người tạo ra dựa theo cách (thủ thuật) sáng tạo nào trong quá trình tưởng tượng ? a. Nhấn mạnh b. Diễn hình hóa c. Thay đổi kích thước d. Chắp ghép	
170	Câu 14: Hình ảnh của tranh biếm họa đã được con người tạo ra bằng cách (thủ thuật) sáng tạo nào trong quá trình tưởng tượng ? a. Nhấn mạnh b. Chắp ghép c. Liên hợp	

		d. Điền hình hóa
Mức độ 3: Giỏi (mức khó)		
Bài số 1: công dụng của tâm lý	171	<p>Câu 1 : Một học sinh chưa bao giờ bỏ dở công việc giáo viên giao về nhà. Khi giải bài tập, sau lần thất bại thứ nhất đã cố gắng giải tiếp lần thứ 2, thứ 3 cho đến khi nào làm xong bài mới thôi. Hãy xác định loại hiện tượng tâm lí đã được mô tả trên đây:</p> <p>a. Quá trình tâm lý b. Trạng thái tâm lý c. Thuộc tính tâm lý d. Tất cả các đáp án trên</p>
	172	<p>Câu 2: Cơ chế chủ yếu của sự hình thành và phát triển tâm lí người là</p> <p>a. Sự di truyền b. Sự chín muồi của những tiềm năng sinh vật dưới tác động của môi trường c. Sự lĩnh hội nền văn hóa xã hội d. Sự tự nhận thức, tự giáo dục</p>
	173	<p>Câu 3: Giả sử sau khi tốt nghiệp đại học được 10 năm, bạn mất liên lạc với một số người bạn. Nếu gặp lại những người đó thì bạn nghĩ tính cách của họ sẽ thay đổi như thế nào?</p> <p>a. Thay đổi hoàn toàn b. Thay đổi hoàn toàn theo hoàn cảnh sống của họ c. Không thể thay đổi d. Có thể thay đổi nhưng tương đối ổn định</p>
	174	<p>Câu 4: Muốn biết tâm lí của con người, chủ thể cần nhìn vào “con mắt của người ấy”. Điều đó đúng hay sai?</p> <p>a. Điều đó đúng. b. Điều đó sai. c. Có khi đúng, có khi sai. d. Không có phương án trả lời.</p>
	175	<p>Câu 5: Sự tham gia của yếu tố nào dưới đây đã tạo nên tính gián tiếp và khái quát trong tư duy?</p> <p>a. Ngôn ngữ b. Nhận thức cảm tính c. Các quá trình tâm lí khác d. Kinh nghiệm đã có về sự vật, hiện tượng</p>

	176	<p>Câu 6: Các yếu tố sinh học có vai trò như thế nào trong quá trình hình thành và phát triển tâm lí của cá nhân?</p> <p>d. Quyết định trực tiếp</p> <p>b. Tác động trực tiếp</p> <p>c. Tiền đề</p> <p>d. Chủ đạo</p>
	177	<p>Câu 7: Thói quen trong học tập của sinh viên được hình thành dựa trên cơ chế hoạt động nào của não bộ?</p> <p>a. Phản xạ không điều kiện</p> <p>b. Phản xạ có điều kiện</p> <p>c. Lan tỏa và tập trung</p> <p>d. Cảm ứng qua lại</p>
	178	<p>Câu 8: Khách du lịch đến từ nhiều vùng miền khác nhau, dân tộc khác nhau (Châu Âu, châu Á ...) theo tôn giáo và sở thích, văn hóa khác nhau. Vậy người phục vụ bàn ăn luôn phải quan sát và tìm hiểu để có được cách ứng xử phù hợp là ứng dụng bản chất nào của tâm lý con người?</p> <p>a. Tính chủ thể</p> <p>b. Tính khách thể</p> <p>c. Tính xã hội – lịch sử</p> <p>d. Tất cả đáp án trên</p>
Bài số 2: Cảm giác-tri giác	179	<p>Câu 1: Quy luật nào của tri giác đã được sử dụng trong tình huống sau: khi muốn người sử dụng thang máy không có cảm giác chật, hẹp người kỹ sư đã lắp thêm gương bên trong thang máy.</p> <p>a. Quy luật về tính có ý nghĩa</p> <p>b. Quy luật ảo ảnh tri giác</p> <p>c. Quy luật tính lựa chọn</p> <p>d. Quy luật tổng giác</p>
	180	<p>Câu 2. Để giảm thiểu cảm giác bị khô và mỏi mắt khi ngồi trước màn hình máy tính, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng khoảng cách thích hợp nhất từ mắt đến màn hình là 50 cm. Kết quả này phản ánh nhiều hơn đến quy luật nào của cảm giác?</p> <p>a. Quy luật ngưỡng cảm giác</p> <p>b. Quy luật thích ứng của cảm giác</p> <p>c. Quy luật về sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các cảm giác</p> <p>d. Tất cả các quy luật trên</p>
	181	<p>Câu 3: Người kỹ sư khi thiết kế bộ phận chỉ báo có kim chỉ và bộ phận chỉ báo bằng đồng hồ phải chú ý đến: “Thời gian lộ sáng dưới 0.5 giây thì mắt</p>

	<p>số chuyển động, kim cố định sẽ giúp con người đọc chính xác; Thời gian lộ sáng trên 0.5 giây dẫn tới kim chuyển động, còn bảng chia độ mặt số cố định đứng yên là tốt hơn”. Ứng dụng trên thuộc quá trình nhận thức nào ?</p> <p>a. Cảm giác b. Tri giác c. Tư duy d. Tưởng tượng</p>
182	<p>Câu 4: “Khi đắp nước lạnh lên mặt thì độ tỉnh mắt của người phi công tăng lên” là biểu hiện quy luật nào ?</p> <p>a. Sự thích ứng của cảm giác b. Ngưỡng cảm giác c. Sự tác động lẫn nhau giữa các cảm giác d. Tất cả các đáp án trên</p>
183	<p>Câu 5 : “Người công nhân đốt máy xe lửa hay thợ luyện kim có thể làm việc hàng giờ dưới nhiệt độ 50-60C ” thể hiện nội dung quy luật nào dưới đây:</p> <p>a. Quy luật về ngưỡng cảm giác b. Quy luật về sự thích ứng của cảm giác c. Quy luật về sự tác động qua lại giữa các cảm giác d. Tất cả các đáp án trên</p>
184	<p>Câu 6: Để khách hàng quan sát sản phẩm rõ nhất, độ cao được khuyến cáo đối với người châu Á không nên cao quá 1,5 m so với mặt đất. Khuyến cáo này được các chuyên gia quản trị học kinh doanh đề xuất đã dựa trên lý thuyết tâm lí nào trong tri giác:</p> <p>a. Tính trọn vẹn b. Tính bề ngoài của sự vật, hiện tượng c. Tính trực tiếp d. Tính tích cực, tự giác</p>
185	<p>Câu 7: Ứng dụng quy luật thích ứng của cảm giác trong quá trình dạy học đã được thể hiện trong trường hợp nào dưới đây:</p> <p>a. Thay đổi ngữ điệu của lời nói cho phù hợp với nội dung cần diễn đạt</p>

	<p>b. Lời nói của giáo viên rõ ràng, mạch lạc</p> <p>c. Tác động đồng thời lên các giác quan để tạo sự tăng cảm giác ở người học</p> <p>d. Giới thiệu đồ dùng trực quan kèm theo lời chỉ dẫn để học sinh dễ quan sát</p>
186	<p>Câu 8. Con người nhận biết được những cơn đau đầu là nhờ loại cảm giác nào?</p> <p>a. Cảm giác thăng bằng</p> <p>b. Cảm giác cơ thể</p> <p>c. Cảm giác rung</p> <p>d. Cảm giác vận động</p>
187	<p>Câu 9: “Nhà tuyển dụng chỉ lướt qua mỗi CV vài giây nên bạn đừng viết quá dài, hãy tập trung vào một số từ khóa nói đến kinh nghiệm, kỹ năng mà nhà tuyển dụng yêu cầu một cách đầy đủ và chi tiết nhất”. Lời khuyên trên nhấn mạnh đến quy luật nào của tri giác?</p> <p>a. Tính lựa chọn của tri giác</p> <p>b. Tính ổn định của tri giác</p> <p>c. Tính ý nghĩa của tri giác</p> <p>d. Tính ảo ảnh của tri giác</p>
188	<p>Câu 10 “ Khi đưa sự vật ra cho xem với thời gian 0,05 giây, thì học sinh nhận xét: Nhìn thấy một cái gì sáng sáng. Nếu cho xem sự vật trong 0,5 giây, thì học sinh nhận ra hình dạng của sự vật ”. Sự kiện được mô tả trên thuộc về quá trình nhận thức nào dưới đây:</p> <p>a. Tri giác</p> <p>b. Trí nhớ</p> <p>c. Tư duy</p> <p>d. Tương tượng</p>
189	<p>Câu 11: Các nhà thiết kế thời trang khuyên rằng: Với người gầy nên mặc trang phục có đường kẻ ngang và với những người béo nên chọn trang phục có họa tiết kẻ sọc hoặc kẻ dọc. Lời khuyên được đề xuất dựa trên quy luật nào của tri giác?</p> <p>a. Tính ổn định</p> <p>b. Tính có ý nghĩa</p> <p>c. Ảo ảnh tri giác</p> <p>d. Tổng giác</p>

Bài số 3: chú ý	190	<p>Câu 12: Trong câu chuyện lịch sử anh hùng dân tộc Phạm Ngũ Lão ngồi đan sọt giữa đường vì mải nghĩ việc nước mà không hề biết có đám lính dẹp đường đi qua. Đến khi bị anh lính xiên mũi giáo vào đùi làm chảy máu, ông mới giật mình ngẩng lên nhìn. Hình ảnh Phạm ngũ lão trong câu chuyện minh họa cho thuộc tính nào của sự chú ý?</p> <p>a. Sức tập trung chú ý</p> <p>b. Sự bền vững của chú ý</p> <p>c. Sự phân phối chú ý</p> <p>d. Sự di chuyển chú ý</p>
	191	<p>Câu 13: Thầy giáo giảng bài hấp dẫn sự chú ý của học sinh đến mức không một em nào nghe thấy tiếng chuông báo hết giờ học. Trường hợp trên đã nói đến thuộc tính nào của chú ý?</p> <p>a. Sức tập trung chú ý</p> <p>b. Sự bền vững của chú ý</p> <p>c. Sự phân phối chú ý</p> <p>d. Sự di chuyển chú ý</p>
	192	<p>Câu 14: Có những ý kiến cho rằng: “Một người có chú ý là người trong khi nói chuyện anh ta vẫn nhìn và nghe tất cả những gì xảy ra xung quanh mình”. Ý kiến trên đã đề cập đến thuộc tính nào của chú ý?</p> <p>a. Sự di chuyển chú ý</p> <p>b. Sự tập trung chú ý</p> <p>c. Sự phân phối chú ý</p> <p>d. Sự phân tán chú ý</p>
	193	<p>Câu 15: Để làm tốt bài tập tiểu luận môn Tâm lý học ứng dụng Hoa buộc phải tìm đọc cuốn sách “Tư duy nhanh và chậm” của Daniel Kahneman. Tuy nhiên, mới chỉ đọc được vài chục trang, Hoa đã bị cuốn hút vào đọc sách tới mức quên ăn, quên ngủ. Hiện tượng đọc sách của Hoa thể hiện loại chú ý nào dưới đây?</p> <p>a. Chú ý có sự chủ động</p> <p>b. Chú ý sau chủ động</p> <p>c. Chú ý có chủ định</p> <p>d. Chú ý sau chủ định</p>
	194	<p>Câu 16: Trong trưng bày sản phẩm/hàng hóa tại siêu thị (cửa hàng) người kinh doanh đã áp dụng cách bày hàng hóa như: các điểm giao của lối đi chính hoặc tại quầy thu ngân thường bày một số hàng hóa mới, hàng dễ tiêu thụ. Hiện tượng tâm lý ứng dụng trên được gọi là gì?</p> <p>a. Chú ý sau chủ định</p> <p>b. Chú ý trước chủ định</p>

		<p>c. Chú ý không chủ định</p> <p>d. Chú ý có chủ định</p>
<p>Bài số 4:</p> <p>Trí nhớ</p>	195	<p>Câu 17: Một học sinh đang trả lời câu hỏi về bộ môn lịch sử sử được giao từ tuần trước và đã nhớ lại được 70% nội dung trong sách giáo khoa. Sau một tháng trả lời cũng câu hỏi đó nhưng chỉ nhớ được 45% tài liệu. Hãy xác định xem quá trình nào của trí nhớ được thể hiện trong một hành động được mô tả trên đây?</p> <p>a. Quá trình giữ gìn</p> <p>b. Quá trình nhớ lại</p> <p>c. Quá trình ghi nhớ</p> <p>d. Sự quên</p>
	196	<p>Câu 18: Trong một buổi kiểm tra môn toán, một học sinh rất lâu không nhớ được công thức cần thiết. Giáo viên chỉ cần nhắc một phần công thức là đủ để em đó xác định ngay “Đó là hằng đẳng thức đáng nhớ”. Hãy xác định xem quá trình trí nhớ nào được thể hiện trong hành động mô tả trên?</p> <p>a. Quá trình nhớ lại</p> <p>b. Quá trình giữ gìn</p> <p>c. Quá trình ghi nhớ</p> <p>Quá trình nhận lại</p>
	197	<p>Câu 18: Giáo viên yêu cầu học sinh: “<i>Lập dàn ý của bài khóa được nghe và trình bày lại bài khóa đó bằng ngôn ngữ viết</i>”. Những giờ học được mô tả trên đây có tác dụng giáo dục năng lực nào ở người học?</p> <p>a. Trí nhớ</p> <p>b. Tư duy</p> <p>c. Tưởng tượng</p> <p>d. Ngôn ngữ</p>
	198	<p>Câu 20. Điều nào không đúng với sự quên?</p> <p>a. Quên cũng diễn ra theo qui luật</p> <p>b. Quên là xóa bỏ hoàn toàn “dấu vết” của tài liệu trên vỏ não</p> <p>c. Quên cũng là hiện tượng hữu ích với con người</p> <p>d. Ở giai đoạn đầu (lúc mới học xong), tốc độ quên lớn, sau đó giảm dần</p>
	199	<p>Câu 21: Người nghệ sỹ múa trong quá trình luyện tập các cử động và hệ thống cử động thao tác chân – tay để hình thành kỹ năng, kỹ xảo nghệ</p>

		<p>nghiệp. Đó là loại trí nhớ nào trong các loại trí nhớ sau:</p> <p>a. Trí nhớ vận động</p> <p>b. Trí nhớ hình ảnh</p> <p>c. Trí nhớ cảm xúc</p> <p>d. Trí nhớ từ ngữ - logic</p>
	200	<p>Câu 22. Có một lần, một diễn viên đột ngột phải thay thế cho một đồng nghiệp của mình và trong suốt cả ngày hôm đó, anh ta phải học thuộc vai diễn của bạn. Trong thời gian thực hiện vở diễn, anh ta thủ vai một cách hoàn hảo, nhưng sau khi diễn thì anh ta nhanh chóng quên hết vai diễn đã học thuộc, không còn nhớ một chút hình ảnh nào. Loại trí nhớ nào đã diễn ra ở người diễn viên đó?</p> <p>a. Trí nhớ ngắn hạn</p> <p>b. Trí nhớ dài hạn</p> <p>c. Trí nhớ chủ định</p> <p>d. Trí nhớ không xuất hiện</p>
	201	<p>Câu 23. Dựa vào mức độ kéo dài của sự giữ gìn tài liệu đối với hoạt động để phân loại trí nhớ. Hãy xác định trường hợp nào dưới đây đúng với loại trí nhớ dài hạn:</p> <p>a. Nhớ được kiến thức trong khi làm bài thi</p> <p>b. Nhớ ý chính của một đoạn tài liệu học tập ,...</p> <p>c. Học sinh nhớ ánh mắt của cô giáo khi giảng bài</p> <p>d. Nhớ công thức toán bằng cách giải nhiều bài tập</p>
	202	<p>Câu 24. Dựa vào mức độ kéo dài của sự giữ gìn tài liệu đối với hoạt động để phân loại trí nhớ. Hãy xác định trường hợp nào dưới đây đúng với loại trí nhớ ngắn hạn:</p> <p>a. Nhớ giờ bắt đầu và địa điểm của một buổi nói chuyện</p> <p>b. Nhớ được kiến thức trong khi làm bài thi</p> <p>c. Nhớ ý chính của một đoạn tài liệu học tập ,...</p> <p>d. Học sinh nhớ ánh mắt của cô giáo khi giảng bài</p>
Tu duy – Tưởng	203 → trùng	<p>Câu 1: Trẻ em làm toán bằng cách dùng mắt để quan sát các đối tượng cụ thể tương ứng với dữ kiện của bài toán. Loại tư duy nào ở trẻ em đang sử dụng dưới đây:</p>

trọng	lập, đã sửa lại	<p>a. Tư duy trực quan – hình ảnh</p> <p>b. Tư duy trừu tượng</p> <p>c. Tư duy khuôn mẫu (angôrit)</p> <p>d. Tư duy sáng tạo (orixtic)</p>
204		<p>Câu 2. “ Ông tôi mất từ khi tôi chưa ra đời, vậy mà qua câu chuyện của bà, hình ảnh người ông thân thương cứ hiện về trước mắt tôi”. Hình ảnh tâm lí nào đã xuất hiện trong trường hợp trên:</p> <p>a. Trí nhớ</p> <p>b. Tư duy</p> <p>c. Tưởng tượng</p> <p>d. Tri giác</p>
205		<p>Câu 3: Trong hành động tư duy, việc thực hiện các thao tác (phân tích - tổng hợp; so sánh; trừu tượng hoá và khái quát hoá) thường diễn ra như thế nào?</p> <p>a. Linh hoạt tùy theo nhiệm vụ tư duy</p> <p>b. Thực hiện các thao tác theo đúng một trình tự xác định như trên</p> <p>c. Thực hiện đầy đủ các thao tác tư duy</p> <p>d. Mỗi thao tác tiến hành độc lập, không phụ thuộc vào nhau</p>
206		<p>Câu 4: Có lần khi về nhà người mẹ đã nhận ra rằng cậu con trai nhỏ có hành động lặng lẽ và âm thầm một cách khác thường, bà liền nghĩ rằng nó bị ốm hay trở trở gì đây. Hãy xác định đặc điểm nào của quá trình tư duy được thể hiện trong ví dụ đã nói trên?</p> <p>a. Tính “có vấn đề” của tư duy</p> <p>b. Tính gián tiếp của tư duy</p> <p>c. Tính trực tiếp của tư duy</p> <p>d. Tính trừu tượng và khái quát của tư duy</p>
207		<p>Câu 5: Người ta đọc bài khóa hai lần cho học sinh nghe sau đó yêu cầu học sinh viết lại nội dung của tài liệu theo khả năng của mình. Những giờ học được mô tả trên đây có tác dụng giáo dục năng lực nào ở người học?</p> <p>a. Năng lực trí nhớ</p> <p>b. Năng lực tư duy</p> <p>c. Năng lực tưởng tượng</p>

	d. Năng lực quan sát
208	Câu 6 : Trí thông minh nhân tạo (AI) giúp máy tính có thể thay thế con người nhưng AI không thể thực hiện được chức năng nào sau đây? a. Định hướng b. Điều khiển c.Điều chỉnh d.Tạo động lực
209	Câu 7. Giáo viên yêu cầu học sinh: “Chỉ ra sự giống nhau và khác nhau của khí hậu châu Âu và châu Á ở cùng những độ cao như nhau”. Những giờ học được mô tả trên đây có tác dụng giáo dục năng lực nào ở người học? a. Trí nhớ b. Tư duy c. Tưởng tượng d. Óc quan sát
210	Câu 8. Giáo viên yêu cầu học sinh: Căn cứ vào sự mô tả của bài học mà hình dung bức tranh của thiên nhiên. Những giờ học được mô tả trên đây có tác dụng giáo dục năng lực nào ở người học? a. Trí nhớ b. Tư duy c. Tưởng tượng d. Óc quan sát